

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

NỘI DUNG

TRANG

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 5 năm 2016.	
Hội đồng Quản trị	Ông Trần Việt Anh Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Nguyễn Quốc Anh Ông Nguyễn Tiến Đạt Ông Phương Xuân Thụy Ông Nguyễn Lâm Tùng Ông Trần Quốc Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2021) Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Nguyên Bà Nguyễn Thị Nguyên Bà Hồ Thị Ngọc Như Bà Hồ Thị Ngọc Như Bà Vũ Thị Thanh Thủy Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban (từ ngày 4 tháng 1 năm 2022) Thành viên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến 3 tháng 1 năm 2022) Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 9 năm 2021) Thành viên (từ ngày 30 tháng 9 năm 2021) Thành viên (đến ngày 30 tháng 9 năm 2021) Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Quốc Anh Ông Hoàng Văn Bá Ông Lê Song Trọng Chinh Ông Trần Quốc Tuấn Ông Dư Hữu Danh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc (từ ngày 17 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám Đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2021)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 50. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc 

Thành phố Hồ Chí Minh, Nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 6 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính này. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở Thuyết minh 5 của báo cáo tài chính này, Công ty ghi nhận số dư một khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương với số tiền là 9.619.339.517 Đồng, phát sinh từ doanh thu hợp đồng dịch vụ với Công ty từ tháng 2 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương vẫn chưa xác nhận đồng ý với số tiền phải trả cho Công ty. Do đó, chúng tôi chưa thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định các điều chỉnh cần thiết khi đánh giá tính chính xác và khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau đây:

- 1) Thuyết minh 2.12 của báo cáo tài chính cho thấy trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty phân bổ phần còn lại của lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa Công ty vào ngày 16 tháng 5 năm 2016 theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày Nghị định Số 140/2020/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành;
- 2) Thuyết minh 2.16 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Thông tư Số 180/2012/TT-BTC về Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012;
- 3) Tại ngày phê chuẩn của báo cáo tài chính này, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (Thuyết minh 31); và
- 4) Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được yêu cầu thay thế bằng báo cáo tài chính tái phát hành theo Nghị quyết Số 06/2022/HĐQT/NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 28 tháng 6 năm 2022. Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh (Thuyết minh 33) và tái phát hành vào ngày 29 tháng 6 năm 2022.


Báo cáo kiểm toán này thay thế cho báo cáo kiểm toán trước đây ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong báo cáo kiểm toán này, chúng tôi đã loại bỏ phần ý kiến ngoại trừ liên quan đến khoản phải thu từ Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV theo Thuyết minh 6(a) trên cơ sở các bằng chứng thu thập bổ sung sau ngày phát hành báo cáo kiểm toán lần trước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)




Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Trần Thị Cẩm Tú
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2713-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12530
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		536.317.193.726	590.460.088.548
110	Tiền	3	2.108.022.470	5.398.795.969
111	Tiền		2.108.022.470	5.398.795.969
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		400.050.000.000	464.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	400.050.000.000	464.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		107.744.471.150	93.761.043.882
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.570.347.183	5.395.257.843
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		729.327.244	291.091.626
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	93.985.223.123	88.222.556.813
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.559.324.000)	(166.760.000)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		18.897.600	18.897.600
140	Hàng tồn kho	7	2.239.668.426	2.838.343.795
141	Hàng tồn kho		2.239.668.426	2.838.343.795
150	Tài sản ngắn hạn khác		24.175.031.680	23.961.904.902
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	791.180.795	1.576.033.593
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12(b)	1.005.517.490	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(b)	22.378.333.395	22.385.871.309

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		499.767.794.328	542.133.258.243
210	Các khoản phải thu dài hạn		13.111.452.999	12.961.452.999
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		240.000.000	240.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	19.911.452.999	19.761.452.999
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
220	Tài sản cố định		120.011.588.766	136.919.986.001
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	119.234.399.934	135.937.335.625
222	Nguyên giá		569.949.995.725	547.660.969.219
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(450.715.595.791)	(411.723.633.594)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	777.188.832	982.650.376
228	Nguyên giá		31.014.392.390	31.014.572.390
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.237.203.558)	(30.031.922.014)
240	Tài sản dở dang dài hạn		9.219.407.575	28.335.654.839
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.219.407.575	28.335.654.839
250	Đầu tư tài chính dài hạn		314.044.652.690	298.223.131.845
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	253.277.125.000	253.277.125.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	33.605.592.683	33.605.592.683
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(838.064.993)	(459.585.838)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	28.000.000.000	11.800.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		43.380.692.298	65.693.032.559
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	43.380.692.298	65.693.032.559
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.036.084.988.054	1.132.593.346.791

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		51.503.345.542	57.373.053.191
310	Nợ ngắn hạn		48.999.345.542	54.866.053.191
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	3.850.919.711	10.392.136.221
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(a)	5.024.975.411	597.086.124
314	Phải trả người lao động	13	3.661.578.739	2.763.786.916
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		4.769.090.948	5.041.818.157
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		233.054.745	227.504.210
319	Phải trả ngắn hạn khác	14(a)	31.339.978.000	32.328.652.575
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	119.747.988	3.515.068.988
330	Nợ dài hạn		2.504.000.000	2.507.000.000
337	Phải trả dài hạn khác	14(b)	2.504.000.000	2.507.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		984.581.642.512	1.075.220.293.600
410	Vốn chủ sở hữu		984.581.642.512	1.075.220.293.600
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	69.686.924.280	69.686.924.280
421	Lỗi sau thuế lũy kế	17	(271.945.281.768)	(181.306.630.680)
421a	- (Lỗi sau thuế)/LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		(181.306.630.680)	157.360.513
421b	- Lỗi sau thuế của năm nay		(90.638.651.088)	(181.463.991.193)
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.036.084.988.054	1.132.593.346.791


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 6 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.888.573.188	131.316.508.156
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	20	55.888.573.188	131.316.508.156
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	168.840.922.043	332.323.270.826
20	Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		(112.952.348.855)	(201.006.762.670)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	50.872.372.732	66.138.837.923
22	Chi phí tài chính		378.479.155	347.797.020
25	Chi phí bán hàng	23	2.706.189.874	6.798.699.727
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	25.528.393.861	45.718.841.890
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		(90.693.039.013)	(187.733.263.384)
31	Thu nhập khác		55.035.927	6.330.335.475
32	Chi phí khác		648.002	61.063.284
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		54.387.925	6.269.272.191
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(90.638.651.088)	(181.463.991.193)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	25	-	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(90.638.651.088)	(181.463.991.193)
70	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	19	(764)	(1.529)


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 6 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lỗ kế toán trước thuế		(90.638.651.088)	(181.463.991.193)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9	39.197.243.741	42.885.063.405
03	Các khoản dự phòng		1.771.043.155	371.042.520
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(50.872.372.732)	(66.232.018.548)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(100.542.736.924)	(204.439.903.816)
09	Tăng các khoản phải thu		(18.445.342.860)	(84.167.253.822)
10	Giảm hàng tồn kho		598.675.369	1.650.217.898
11	Giảm các khoản phải trả		(2.447.501.649)	(451.750.054)
12	Giảm chi phí trả trước		23.097.193.059	13.365.601.824
15	Tiền thuế TNDN đã nộp	12(a)	-	(1.448.846.877)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.395.321.000)	(6.779.426.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(101.135.034.005)	(282.271.361.347)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(3.172.599.242)	(32.993.154.757)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-	154.090.909
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(522.350.000.000)	(470.800.000.000)
24	Tiền thu lại tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		570.600.000.000	748.500.000.000
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi ngân hàng		52.793.744.748	92.402.488.298
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		97.871.145.506	337.263.424.450
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	Tiền cổ tức đã trả	18	(26.885.000)	(59.252.215.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.885.000)	(59.252.215.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		(3.290.773.499)	(4.260.152.397)
60	Tiền đầu năm	3	5.398.795.969	9.658.948.366
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	3	2.108.022.470	5.398.795.969


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 6 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 50 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (“Công ty”) tiền thân là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo Quyết định Số 205/QĐ-UB ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân (“UBND”) Thành phố Hồ Chí Minh (“TP. HCM”).

Theo Quyết định Số 287/QĐ-UB ngày 17 tháng 8 năm 1990 của UBND TP. HCM, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, TP. HCM.

Theo Quyết định Số 5518/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2002 của UBND TP. HCM, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

Theo Quyết định Số 2397/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của UBND TP. HCM, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành Công ty TNHH Một Thành viên (“MTV”) Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 17 tháng 5 năm 2016. Vốn điều lệ của Công ty theo như đăng ký là 1.186.840.000.000 Đồng tương đương 118.684.000 cổ phần với mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 Đồng.

Cổ phiếu của Công ty được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DSP kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Thông báo Số 1219/TB-SGDHN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. HCM, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, nội địa;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ về nhiếp ảnh;
- Kinh doanh bãi đậu xe;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan; hội chợ; và
- Giữ rừng.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một công ty liên kết được trình bày như trong Thuyết minh số 4.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 414 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 519 người).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hoá, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu) và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết; đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu.

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập cơ sở kinh doanh mới. Các bên có nghĩa vụ, được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong BCC, và thực hiện hoạt động của BCC cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Nếu BCC quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên chịu, thì Công ty phải ghi nhận khoản chi phí đó. Đối với các khoản chi phí chung, Công ty căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để ghi nhận.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 7 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Phần mềm quản lý	3 - 6 năm
TSCĐ khác	4 - 15 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 TSCĐ (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa Công ty được phân bổ trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa theo Thông tư Số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014 từ ngày phát sinh lợi thế kinh doanh và Công văn Số 13956/CT-TTHT ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Cục thuế TP. HCM ban hành về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Sau đó, Công ty phân bổ lợi thế kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2020, ngày có hiệu lực của Nghị định Số 140/2020/NĐ-CP.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Công ty áp dụng Thông tư Số 180/2012/TT-BTC về Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, nên Công ty không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc thực tế phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước về khoản doanh thu tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lỗ sau thuế lũy kế phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí về nhân viên bán hàng, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài, lợi thế kinh doanh và các chi phí khác.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.27 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê đất phải nộp cho giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa (ngày 16 tháng 5 năm 2016) được hạch toán là khoản phải thu từ cổ đông nhà nước và sẽ được quyết toán cùng với quyết toán cổ phần hóa (Thuyết minh 29);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản (Thuyết minh 2.10);
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi; và
- Phải trả khác liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt (Thuyết minh 30).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	613.159.000	1.774.051.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.482.714.470	3.577.612.197
Tiền đang chuyển	12.149.000	47.132.772
	<u>2.108.022.470</u>	<u>5.398.795.969</u>

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	400.050.000.000	400.050.000.000	464.500.000.000	464.500.000.000
ii. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	11.800.000.000	11.800.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,60%/năm đến 7,20%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6,50%/năm đến 8,85%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có tại ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi còn lại trên 12 tháng, với lãi suất hàng năm được hưởng là 6,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7,20%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
i. Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen (*)	253.277.125.000	-	253.277.125.000	-
ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt (**)	29.442.390.096	-	29.442.390.096	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà (***)	4.163.202.587	(838.064.993)	4.163.202.587	(459.585.838)
	<u>33.605.592.683</u>	<u>(838.064.993)</u>	<u>33.605.592.683</u>	<u>(459.585.838)</u>

(*) Giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen được xác định lại theo phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định Số 6321/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen là 205.863.647.200 Đồng.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	14.559.647.183	5.333.987.843
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	10.700.000	61.270.000
	<u>14.570.347.183</u>	<u>5.395.257.843</u>

Chi tiết những khách hàng là bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Nhất phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	2.471.730.400
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương	9.619.339.517	1.060.247.512
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	569.061.000	203.503.286
	<u>12.650.130.917</u>	<u>3.735.481.200</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm trong khoản phải thu ngắn hạn khách hàng là 3.617.163.635 Đồng các khoản phải thu từ bên thứ ba đã quá hạn thanh toán từ 180 ngày trở lên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 396.974.000 Đồng).

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021		2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (*) (Thuyết minh 27(b))	70.224.591.554	-	62.619.338.705	-
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	13.914.846.574	-	21.914.869.590	-
Tiền thuê đất của giai đoạn trước cổ phần hóa (**)	2.728.877.249	-	2.728.877.249	-
Phải thu người lao động	258.032.064	-	323.651.680	-
Ký quỹ, ký cược	197.679.196	-	231.144.589	-
Tạm ứng cho nhân viên	22.000.000	-	194.200.000	-
Phải thu cổ tức (Thuyết minh 27(b))	6.078.651.000	-	-	-
Khác	560.545.486	-	210.475.000	-
	<u>93.985.223.123</u>	<u>-</u>	<u>88.222.556.813</u>	<u>-</u>

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Số tiền phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV ("Tổng công ty") bao gồm khoản 82.876.659.723 Đồng lợi nhuận chưa phân phối đã trả về Công ty mẹ giảm trừ cho khoản 12.652.068.169 Đồng lãi chậm nộp cho việc không kịp thời nộp lợi nhuận còn lại về Tổng công ty, được kiến nghị xử lý tài chính theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 319/KV XIII-TH ngày 23 tháng 7 năm 2021 do Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII trả lời cho Công ty về việc xem xét không truy thu các khoản nợ Ngân sách Nhà nước và nộp cấp trên (Thuyết minh 29). Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một Thành viên đã gửi Công văn Số 475/CV-TCT về việc xác nhận số dư công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với Công ty. Trong Công văn, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một Thành viên đã xác nhận nghĩa vụ nợ với Công ty số tiền là 70.224.591.554 đồng và khoản nợ này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa tại Công ty.

(**) Số dư bao gồm 2.168.870.000 Đồng tiền thuê đất của Khu đất Công viên Đàm Sen, số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. HCM cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và 560.007.249 Đồng tiền thuê đất của Khu Du lịch Sinh thái Rừng Ngập mặn Vàm Sát, Huyện Cần Giò, TP. HCM cho giai đoạn từ 2010 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 được thông báo căn cứ theo Công văn Số 250a/KV IV-TH ngày 3 tháng 5 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV gửi Kho bạc Nhà nước TP. HCM về việc kiến nghị tăng thu Ngân sách Nhà nước qua kiểm toán chuyên đề "Việc Quản lý, Sử dụng Đất trong và sau Quá trình Cổ phần hóa của Doanh nghiệp Nhà nước Giai đoạn 2011 - 2017 trên Địa bàn TP. HCM". Tại ngày 5 tháng 8 năm 2019, Công ty đã thông báo Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (chủ sở hữu cũ của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) số tiền thuê đất bổ sung của giai đoạn trước cổ phần hóa này theo Thông báo Số 097/CV-2019. Việc tất toán tiền thuê đất này vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ UBND TP. HCM và Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV.

Trong đó, chi tiết số dư của bên thứ ba và bên liên quan như sau:

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	23.760.631.569	25.603.218.108
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	70.224.591.554	62.619.338.705
	<u>93.985.223.123</u>	<u>88.222.556.813</u>

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2021		2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt (Thuyết minh 30)	18.393.452.999	(6.800.000.000)	18.243.452.999	(6.800.000.000)
Ký quỹ, ký cược	1.518.000.000	-	1.518.000.000	-
	<u>19.911.452.999</u>	<u>(6.800.000.000)</u>	<u>19.761.452.999</u>	<u>(6.800.000.000)</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2021 VND	2020 VND
Nguyên vật liệu tồn kho	1.374.965.705	1.721.614.659
Hàng hóa	864.702.721	1.116.729.136
	<u>2.239.668.426</u>	<u>2.838.343.795</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí bảo trì, sửa chữa	292.478.200	948.964.344
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	249.501.655	537.836.249
Khác	249.200.940	89.233.000
	<u>791.180.795</u>	<u>1.576.033.593</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	34.979.558.316	54.750.613.016
Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (**)	6.995.003.594	6.995.003.594
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	670.041.731	2.174.647.237
Chi phí sửa chữa TSCĐ	239.895.812	1.119.080.522
Khác	496.192.845	653.688.190
	<u>43.380.692.298</u>	<u>65.693.032.559</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định Số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015. Công ty phân bổ lợi thế kinh doanh còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2020, ngày có hiệu lực của Nghị định 140/2020/NĐ-CP.

(**) Bao gồm chi phí khấu hao của TSCĐ dùng để vận hành việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling từ năm 1998 đến 2010 (Thuyết minh 30).

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	67.269.066.152	80.634.667.976
Mua trong năm	57.655.499.276	58.017.680.652
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	662.128.996	2.004.567.088
Phân bổ trong năm	(81.414.821.331)	(73.348.917.564)
Khác	-	(38.932.000)
Số dư cuối năm	<u>44.171.873.093</u>	<u>67.269.066.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	336.074.611.542	173.121.061.951	4.961.691.079	29.553.722.968	3.949.881.679	547.660.969.219
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	22.614.087	21.900.000.000	-	-	-	21.922.614.087
Mua trong năm	170.730.601	-	-	195.681.818	-	366.412.419
Phân loại lại	(4.260.864.865)	2.074.864.863	174.000.002	102.000.000	1.910.000.000	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>332.007.091.365</u>	<u>197.095.926.814</u>	<u>5.135.691.081</u>	<u>29.851.404.786</u>	<u>5.859.881.679</u>	<u>569.949.995.725</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	232.669.103.034	147.262.273.081	1.726.236.180	27.257.359.243	2.808.662.056	411.723.633.594
Khấu hao trong năm	24.217.235.721	11.919.236.328	778.212.516	943.135.816	1.134.141.816	38.991.962.197
Phân loại lại	1.293.857.547	(1.711.808.464)	-	-	417.950.917	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>258.180.196.302</u>	<u>157.469.700.945</u>	<u>2.504.448.696</u>	<u>28.200.495.059</u>	<u>4.360.754.789</u>	<u>450.715.595.791</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>103.405.508.508</u>	<u>25.858.788.870</u>	<u>3.235.454.899</u>	<u>2.296.363.725</u>	<u>1.141.219.623</u>	<u>135.937.335.625</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>73.826.895.063</u>	<u>39.626.225.869</u>	<u>2.631.242.385</u>	<u>1.650.909.727</u>	<u>1.499.126.890</u>	<u>119.234.399.934</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 243.711.566.467 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 161.143.805.945 Đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.489.823.663	27.524.748.727	31.014.572.390
Giảm khác	(180.000)	-	(180.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>3.489.643.663</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>31.014.392.390</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.507.173.287	27.524.748.727	30.031.922.014
Khấu hao trong năm	205.281.544	-	205.281.544
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>2.712.454.831</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>30.237.203.558</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>982.650.376</u>	<u>-</u>	<u>982.650.376</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u><u>777.188.832</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>777.188.832</u></u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 29.999.912.390 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29.530.636.215 Đồng).

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công viên Đầm Sen	7.355.517.744	26.471.765.008
Khu Du lịch Sinh thái Vàm Sát	336.969.699	336.969.699
Khác	1.526.920.132	1.526.920.132
	<u>9.219.407.575</u>	<u>28.335.654.839</u>

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	28.335.654.839	10.636.527.857
Mua trong năm	2.806.366.823	27.151.609.058
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(21.922.614.087)	(8.437.822.076)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(1.014.660.000)
Số dư cuối năm	<u>9.219.407.575</u>	<u>28.335.654.839</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>2021</u>		<u>2020</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	3.850.919.711	3.850.919.711	10.389.225.312	10.389.225.312
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	-	-	2.910.909	2.910.909
	<u>3.850.919.711</u>	<u>3.850.919.711</u>	<u>10.392.136.221</u>	<u>10.392.136.221</u>

Chi tiết những nhà cung cấp là bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả ngắn hạn của nhà cung cấp như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Bò Câu	-	1.624.930.311
Công ty Cổ phần Chương Dương	1.220.958.598	1.308.926.357
	<u>1.220.958.598</u>	<u>1.308.926.357</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp VND	Cán trừ VND	Số đã thực nộp VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	524.687.633	5.397.796.411	(4.596.105.303)	(1.326.378.741)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	71.454.491	230.869.764	-	(302.324.255)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	153.759.061	-	(139.205.636)	14.553.425
Tiền thuế đất phải nộp	-	56.633.030.279	-	(51.623.963.493)	5.009.066.786
Thuế, phí và lệ phí khác	944.000	1.157.776.491	-	(1.157.365.291)	1.355.200
	<u>597.086.124</u>	<u>63.573.232.006</u>	<u>(4.596.105.303)</u>	<u>(54.549.237.416)</u>	<u>5.024.975.411</u>
(b) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	-	(5.601.622.793)	4.596.105.303	-	(1.005.517.490)
Thuế thu nhập cá nhân	(7.537.914)	-	7.537.914	-	-
Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh 29)	(22.378.333.395)	-	-	-	(22.378.333.395)
	<u>(22.385.871.309)</u>	<u>(5.601.622.793)</u>	<u>4.603.643.217</u>	<u>-</u>	<u>(23.383.850.885)</u>

13 PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12 phải trả cho người lao động.

14 PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2021 VND	2020 VND
Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt (*) (Thuyết minh 30)	29.118.387.913	29.118.387.913
Tiền đặt cọc phải trả	749.400.875	1.168.016.873
Bảo hành công trình	825.950.035	1.030.751.164
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 27(b))	196.416.110	223.301.110
Quỹ tiền lương, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	110.080.000	217.200.000
Doanh thu BCC phải trả cho Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen (Thuyết minh 27(b))	-	93.382.400
Khác	339.743.067	477.613.115
	<u>31.339.978.000</u>	<u>32.328.652.575</u>

(*) Số dư chủ yếu bao gồm doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling từ năm 1998 đến 2010. Số dư này sẽ được quyết toán khi UBND TP. HCM có quyết định về số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể (Thuyết minh 30).

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.504.000.000	2.507.000.000

15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.515.068.988	6.021.830.878
Trích thêm (Thuyết minh 17)	-	4.272.664.610
Sử dụng	(3.395.321.000)	(6.779.426.500)
Số dư cuối năm	<u>119.747.988</u>	<u>3.515.068.988</u>

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021 Cổ phiếu phổ thông	2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.684.000	118.684.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một Thành viên	58.155.160	49	58.155.160	49
Công ty Cổ phần Sam Holdings	41.489.425	35	41.489.425	35
Cổ đông khác	19.039.415	16	19.039.415	16
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	118.684.000	100	118.684.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối/ (Lỗ sau thuế lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.186.840.000.000	69.686.924.280	63.772.025.123	1.320.298.949.403
Lỗ trong năm	-	-	(181.463.991.193)	(181.463.991.193)
Chia cổ tức	-	-	(59.342.000.000)	(59.342.000.000)
Phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	(4.272.664.610)	(4.272.664.610)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(181.306.630.680)	1.075.220.293.600
Lỗ trong năm	-	-	(90.638.651.088)	(90.638.651.088)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(271.945.281.768)	984.581.642.512

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

18	TRẢ CỔ TỨC	2021 VND	2020 VND
	Số dư đầu năm	223.301.110	133.516.610
	Cổ tức phải trả trong năm	-	59.342.000.000
	Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(26.885.000)	(59.252.215.500)
	Số dư cuối năm	<u>196.416.110</u>	<u>223.301.110</u>
19	LỖ TRÊN CỔ PHIẾU		
	<p>Lỗi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:</p>		
		Năm nay	Năm trước
	Lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(90.638.651.088)	(181.463.991.193)
	Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	118.684.000	118.684.000
	Lỗi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(764)	(1.529)
20	DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
		Năm nay VND	Năm trước VND
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	55.631.648.848	130.238.110.626
	Doanh thu thuần bán hàng hóa	256.924.340	1.078.397.530
		<u>55.888.573.188</u>	<u>131.316.508.156</u>
21	GIÁ VỐN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
		Năm nay VND	Năm trước VND
	Tiền thuê đất truy thu	-	111.350.646.249
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	168.724.795.477	220.470.862.506
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	116.126.566	501.762.071
		<u>168.840.922.043</u>	<u>332.323.270.826</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	34.662.636.732	56.412.996.323
Cổ tức được chia (Thuyết minh 27(a))	16.209.736.000	9.725.841.600
	<u>50.872.372.732</u>	<u>66.138.837.923</u>

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quảng cáo	1.327.168.326	3.588.121.370
Chi phí nhân viên	1.184.915.891	2.760.800.976
Chi phí hoa hồng	31.190.500	108.348.125
Khác	162.915.157	341.429.256
	<u>2.706.189.874</u>	<u>6.798.699.727</u>

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Hoàn nhập chi phí)/chi phí phải trả về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (Thuyết minh 27(a))	(7.605.252.849)	20.257.321.018
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	19.771.054.700	10.183.614.012
Chi phí nhân viên	3.815.386.739	4.866.463.000
Chi phí lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	2.073.792.000	2.700.692.000
Chi phí thuê nhà	205.454.560	1.976.363.622
Các khoản chi theo lương	3.058.177.667	1.206.292.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	458.140.974	607.185.194
Chi phí khấu hao TSCĐ	218.272.833	414.531.801
Chi phí công cụ, dụng cụ	110.016.765	99.783.340
Khác	3.423.350.472	3.406.595.803
	<u>25.528.393.861</u>	<u>45.718.841.890</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã được UBND TP. HCM phê duyệt theo Quyết định Số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015.

25 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên sổ kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗi kế toán trước thuế	(90.638.651.088)	(181.463.991.193)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(18.127.730.218)	(36.292.798.239)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.241.947.200)	(1.945.168.320)
Chi phí không được khấu trừ	146.486.602	168.174.802
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	21.223.190.816	38.069.791.757
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗi tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗi. Số lỗi thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗi ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗi	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗi tính thuế phát sinh VND	Số lỗi tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗi còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2020	Chưa thanh tra thuế	190.348.958.785	-	190.348.958.785
2021	Chưa thanh tra thuế	106.115.954.080	-	106.115.954.080

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗi tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗi tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền thuê đất truy thu	-	111.350.646.249
Chi phí thuê đất và thuế đất	57.763.450.155	50.923.982.277
Chi phí nhân viên	27.775.748.369	44.966.698.289
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.197.243.741	42.885.063.405
(Hoàn nhập chi phí)/chi phí phải trả về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	(7.605.252.849)	20.257.321.018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.127.427.593	17.429.104.314
Các khoản theo lương	10.082.108.163	12.178.983.763
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	19.771.054.700	10.183.614.012
Chi phí lễ hội	1.574.402.783	9.266.164.527
Chi phí thuê nhà và thuê tài sản	5.696.523.653	8.515.611.696
Chi phí khách mua gói du lịch	2.355.616.811	6.374.049.407
Chi phí sửa chữa, bảo trì	4.223.905.492	6.367.811.143
Chi phí quảng cáo	1.341.833.578	3.588.121.370
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.341.626.060	3.267.325.171
Chi phí lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	2.073.792.000	2.700.692.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	965.078.096	799.760.361
Khác	22.390.947.433	33.785.863.441
	197.075.505.778	384.840.812.443

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần với hai cổ đông lớn là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một Thành viên và Công ty Cổ phần Sam Holdings được trình bày ở Thuyết minh 16. Định nghĩa các bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh 2.26 và chi tiết các bên liên quan là công ty liên kết được trình bày ở Thuyết minh 4(b).

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV
 Công ty Cổ phần Sam Holdings
 Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen
 Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM

Mối liên hệ

Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Công ty liên kết
 Có chung thành viên quản lý chủ chốt

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	330.329.636
Công ty Cổ phần Sam Holdings	139.658.000	238.883.809
Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM	62.477.000	177.919.883
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	39.000.000	100.768.171
	<u>241.135.000</u>	<u>847.901.499</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	48.401.000	142.136.364
	<u>48.401.000</u>	<u>142.136.364</u>
iii) Thu nhập từ cổ tức (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	16.209.736.000	9.725.841.600
	<u>16.209.736.000</u>	<u>9.725.841.600</u>
iv) Chia doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	1.070.234.543
	<u>-</u>	<u>1.070.234.543</u>
v) Hoạt động tài chính (Thuyết minh 18)		
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	59.342.000.000
	<u>-</u>	<u>59.342.000.000</u>
vi) (Hoàn nhập chi phí)/chi phí phải trả (Thuyết minh 24)		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	(7.605.252.849)	20.257.321.018
	<u>(7.605.252.849)</u>	<u>20.257.321.018</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Mẫu số B 09 – DN

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

vii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập		
Ông Nguyễn Quốc Anh	459.783.000	597.445.000
Ông Hoàng Văn Bá	308.092.000	402.738.000
Ông Dư Hữu Danh	85.343.000	402.738.000
Ông Lê Song Trọng Chinh	285.112.000	399.555.000
Ông Trần Quốc Tuấn	161.062.000	-
Thù lao		
Ông Trần Việt Anh	57.600.000	115.200.000
Ông Nguyễn Quốc Anh	57.600.000	115.200.000
Ông Nguyễn Đông Hòa	57.600.000	115.200.000
Ông Nguyễn Tiến Đạt	57.600.000	115.200.000
Ông Phương Xuân Thụy	57.600.000	67.200.000
Bà Lê Thị Lan Hương	-	59.200.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	14.400.000	-
Ông Trần Quốc Tuấn	14.400.000	-
Bà Hồ Thị Ngọc Như	384.000.000	502.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	33.600.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	38.400.000	44.800.000
Bà Huỳnh Thanh Hồng	-	51.200.000
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	1.600.000	-
Tổng cộng	2.073.792.000	3.083.676.000

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Sam Holdings	-	46.550.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM	5.700.000	11.860.000
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	1.860.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	5.000.000	1.000.000
	<u>10.700.000</u>	<u>61.270.000</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	70.224.591.554	62.619.338.705
	<u>70.224.591.554</u>	<u>62.619.338.705</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	2.910.909
	<u>-</u>	<u>2.910.909</u>
iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14(a))		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	196.416.110	223.301.110
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả cho Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	93.382.400
	<u>196.416.110</u>	<u>316.683.510</u>

28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 đến 5 năm	-	2.880.000.000
	<u>2.880.000.000</u>	<u>5.760.000.000</u>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>2.880.000.000</u>	<u>5.760.000.000</u>

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận được Báo cáo Kiểm toán từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và các thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Quận 11, Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ như sau:

Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ)

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII phát hành Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) (“Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước”), với thời kỳ kiểm toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Theo đó, đối với khoản tiền thuê đất truy thu, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII kiến nghị Công ty nộp ngân sách Nhà nước tiền thuê đất được xác định tăng thêm là 209.413.504.962 Đồng, cụ thể:

- Truy thu tiền thuê đất từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016: 105.254.993.118 Đồng, đối với Khu đất Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh (“Công viên Đầm Sen”); và
- Truy thu tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 104.158.511.844 Đồng; trong đó số tiền truy thu lần lượt là 86.126.173.766 Đồng, 17.487.371.110 Đồng và 544.966.968 Đồng đối với Khu đất Công viên Đầm Sen, Khu đất Công viên Nước Đầm Sen và Khu đất Số 915 Đường 3/2, TP. Hồ Chí Minh (“Khu đất số 915”).

Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước cũng tạm tính truy thu tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đối với Khu đất Công viên Đầm Sen là 130.634.137.200 Đồng nhưng không đề nghị xử lý tài chính truy thu số tiền này. Số tiền này cũng đã tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và thu hồi lại một phần khi phát hành cổ phiếu.

Các kiến nghị xử lý khác từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII như sau:

- Giảm lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể nộp về Công ty mẹ - Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV với số tiền 75.271.406.874 Đồng do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn trước cổ phần hóa 105.254.993.118 Đồng, tăng khoản cổ tức phải nộp về Công ty mẹ 7.605.252.849 Đồng và thuế TNDN giảm trong giai đoạn này do thay đổi khác trong doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 Đồng.
- Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán này; báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII trước ngày 31 tháng 10 năm 2020. Trong Báo cáo Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (giải thích rõ lý do chưa thực hiện).

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành trong năm 2020, 2021 và 2022

Trong năm 2020, 2021 và 2022, các thông báo truy thu tiền thuê đất được Chi cục Thuế Quận 11 ban hành như sau:

- Thông báo Số 337/TB-CCT ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 1 tháng 1 năm 1996 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 162.470.761.414 Đồng đối với Khu đất Công viên Đầm Sen;
- Thông báo Số 338/TB-CCT ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016: 40.117.912.033 Đồng đối với Khu đất Công viên Đầm Sen;
- Thông báo Số 1796/TB-CCT ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 1 tháng 7 năm 2018: 2.187.394.031 Đồng đối với Khu đất Công viên Nước Đầm Sen;
- Thông báo Số 713/TB-CCT ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 798.725.360 Đồng đối với Khu đất Số 915; và
- Thông báo Số 714/TB-CCT ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.286.757.180 Đồng đối với Khu đất Số 79-83 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh (“Số 79-83 Hòa Bình”).
- Thông báo Số 170/TB-CCTQ11 ban hành ngày 3 tháng 2 năm 2021 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 83.415.136.382 Đồng đối với Khu đất Công viên Đầm Sen.
- Theo Quyết định Số 84 đến 89/QĐ-CCT-CC ban hành ngày 9 tháng 3 năm 2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, Chi cục Thuế Quận 11 đã yêu cầu các ngân hàng trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản của Công ty để thực hiện cưỡng chế số tiền chậm nộp tiền thuế là 8.142.251.112 Đồng.
- Thông báo Số 1729/TB-CCTQ11 ngày 3 tháng 11 năm 2021 thay thế Thông báo 170/TB-CCTQ11 ngày 3 tháng 2 năm 2021 về việc tạm nộp bổ sung theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần Vốn Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2020 cho giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền là 86.126.173.765 Đồng.
- Thông báo 14195/TB-07-CCT ngày 26 tháng 1 năm 2022 về việc Công ty còn nợ tiền thuế tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 64.346.926.769 Đồng và số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là 3.589.696.454 Đồng.

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ đã ban hành trong năm 2020

Trong năm 2020, Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ đã ban hành Thông báo Số 659/TB-CCT ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc nộp bổ sung tiền thuê đất giai đoạn từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.063.615.833 Đồng, đối với diện tích sử dụng đất 57.500 m² tại Khu Du lịch Sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát.

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước

Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

- Hạch toán số truy thu tiền thuê đất vào Giá vốn hàng bán trong năm là 111.350.646.249 Đồng, bao gồm:
 - Giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền truy thu từ Kiểm toán Nhà nước: 102.519.847.860 Đồng. Theo kiến nghị từ Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước, Công ty phải nộp về Ngân sách Nhà nước 104.158.511.844 Đồng, trong đó số tiền truy thu lần lượt là 86.126.173.766 Đồng - Khu đất Công viên Đầm Sen, 17.487.371.110 Đồng - Khu đất Công viên Nước Đầm Sen và 544.966.968 Đồng - Khu đất Số 915. Tuy nhiên, theo Công văn 160/CV-2020 ngày 15 tháng 10 năm 2020 Công ty gửi đến Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, Công ty đã nộp Ngân sách Nhà nước 798.725.360 Đồng cho Khu đất 915 (Thông báo Số 713/TB-CCT) và 1.093.697.016 Đồng cho Khu đất Công viên nước Đầm Sen (Thông báo 1796/TB-CCT); do đó, Công ty đã hạch toán và nộp số tiền là 102.519.847.860 Đồng sau khi trừ đi khoản 544.966.968 Đồng và 1.093.697.016 Đồng như trên;
 - Giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền truy thu từ Chi cục Thuế Quận 11: 3.179.179.556 Đồng. Số tiền này bao gồm 798.725.360 Đồng cho Khu đất 915 (Thông báo Số 713/TB-CCT), 1.286.757.180 Đồng cho Khu đất Số 79-83 Hòa Bình (Thông báo Số 714/TB-CCT) và 1.093.697.016 Đồng cho Khu đất Công viên nước Đầm Sen (Thông báo 1796/TB-CCT);
 - Giai đoạn từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018, số tiền truy thu từ Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh: 4.588.003.000 Đồng cho Khu đất Công viên nước Đầm Sen (Thông báo Số 14630/TB-CCT ngày 25 tháng 7 năm 2019) (Thuyết minh 12(b)); và
 - Giai đoạn từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền truy thu từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ: 1.063.615.833 Đồng cho Khu đất Khu Du lịch Sinh Thái Vàm Sát (Thông báo Số 659/TB-CCT).

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước (tiếp theo)

- Hạch toán số truy thu tiền thuê đất 105.254.993.118 Đồng theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước giai đoạn từ 1 tháng 7 năm 2014 đến 16 tháng 5 năm 2016 như sau:
 - Khoản phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV: 62.619.338.705 Đồng (Thuyết minh 6(a)) do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn trước cổ phần hóa 105.254.993.118 Đồng làm giảm lợi nhuận chưa phân phối đã nộp về công ty mẹ; thuế TNDN giảm trong giai đoạn này do các thay đổi khác trong doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 Đồng; sau khi trừ nghĩa vụ tài chính 7.605.252.849 Đồng số tiền phân bổ cổ tức từ Công viên Nước Đầm Sen mà Công ty phải nộp về công ty mẹ và 12.652.068.169 Đồng tương ứng với khoản lãi tiền chiếm dụng lợi nhuận chưa phân phối kể trên;
 - Khoản phải thu Nhà nước số tiền 22.378.333.395 Đồng như trên (Thuyết minh 12(b));
 - Hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm số tiền: 20.257.321.018 Đồng; bao gồm 7.605.252.849 Đồng và 12.652.068.169 Đồng như trên (Thuyết minh 24).
- Hạch toán tổng số tiền thuê đất truy thu trong năm Công ty đã nộp Nhà nước: 212.017.636.367 Đồng (Thuyết minh 12(a)), bao gồm:
 - Theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước: 105.254.993.118 Đồng (giai đoạn từ 1 tháng 7 năm 2014 đến 16 tháng 5 năm 2016) và 102.519.847.860 Đồng (giai đoạn từ 17 tháng 5 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2019);
 - Theo Thông báo từ Chi cục Thuế Quận 11: 1.093.697.016 Đồng (Thông báo 1796/TB-CCT); 798.725.360 Đồng (Thông báo Số 713/TB-CCT) và 1.286.757.180 Đồng (Thông báo Số 714/TB-CCT); và
 - Theo Thông báo từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ: 1.063.615.833 Đồng (Thông báo Số 659/TB-CCT).
- Đối với khoản tiền truy thu của Chi cục Thuế Quận 11 theo Thông báo Số 170/TB-CCTQ11 và khoản tiền phạt chậm nộp theo Quyết định Số 84-89/QĐ-CCT-CC, vào ngày 15 tháng 3 năm 2021, Công ty đã làm đơn khiếu nại gửi Tổng cục Thuế, trong đó nêu rõ, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp truy thu tiền thuê đất theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và giai đoạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 207.774.840.978 Đồng vào ngày 12 tháng 10 năm 2020. Tuy nhiên, Chi cục Thuế Quận 11 đã tự động căn trừ số tiền Công ty đã nộp theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII vào các thông báo do Chi cục Thuế Quận 11 ban hành trước kia.

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước (tiếp theo)

- Ngày 19 tháng 3 năm 2021, Công ty đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án Nhân dân Quận 11, TP. HCM đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 11 giải quyết hủy bỏ các thông báo truy thu tiền thuê đất số 337, 338/TB-CCT và 170/TB-CCTQ11. Theo Quyết định Số 02/2021/QĐ-BPKCTT ban hành ngày 26 tháng 3 năm 2021, Tòa án Nhân dân Quận 11 đã tạm đình chỉ việc thi hành Thông báo số 170/TB-CCTQ11 ngày 3 tháng 2 năm 2021 của Chi cục Thuế Quận 11 về việc tạm nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 số tiền 83.415.136.382 Đồng.

Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

- Theo Công văn Số 6208/CTTPHCM – KTTĐ của Cục thuế TP. HCM ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2021, Cục thuế TP. HCM chấp thuận cho khoan nợ khoản truy thu tiền thuê đất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp chờ quyết toán cổ phần hóa Công ty (Thuyết minh 31), không tính tiền phạt chậm nộp Công ty và giao Chi cục Thuế Quận 11 làm việc với Công ty về đối chiếu số liệu tiền thuê đất do Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành thông báo và số truy thu tiền thuê đất của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. Số tiền phạt Công ty chậm nộp tiền thuê đất đã bị cưỡng chế là 8.142.251.112 Đồng được cản trừ vào tiền thuê đất phải nộp năm 2021 của Công ty hoặc cản trừ khi quyết toán cổ phần hóa. Do đó, Công ty chưa hạch toán tiền truy thu tiền thuê đất.
- Ngày 23 tháng 7 năm 2021, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII đã ban hành Công văn số 319/KV XIII-TH để phúc đáp công văn của Công ty về việc xem xét không truy thu các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, nộp cấp trên. Trong đó có các điểm sau:
 - Về việc không truy thu tiền thuê đất từ 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) và về việc truy thu tiền thuê đất Công viên Đầm Sen giai đoạn chuyển thể từ 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016: Sau khi xem xét, Kiểm toán Nhà nước cho rằng tổng các khoản nộp Ngân sách Nhà nước và các khoản phải nộp về Công ty mẹ trong thời kỳ chuyển đổi (từ 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 17 tháng 5 năm 2016) sẽ không thay đổi.
 - Về việc truy thu tiền thuê đất tại Công viên Nước Đầm Sen từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến ngày 1 tháng 7 năm 2018: Kiểm toán Nhà nước cho rằng cơ quan thuế tính tiền thuê đất dựa trên đơn giá cũ là chưa phù hợp với các quy định do UBND TP. HCM ban hành, dẫn đến sự chênh lệch giữa số của Kiểm toán Nhà nước kiến nghị và số Cơ quan Thuế thông báo.
 - Về tiền cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen: Kiểm toán Nhà nước thống nhất không kiến nghị nộp về công ty mẹ số tiền là 7.605.252.849 Đồng tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần Vốn Nhà nước. Do đó, Công ty đã hạch toán làm tăng khoản phải thu Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV lên 70.224.591.554 Đồng (Thuyết minh 6(a)).

29 VIỆC TRUY THU TIỀN THUÊ ĐẤT (tiếp theo)

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước (tiếp theo)

- Về việc nộp trả công ty mẹ khoản lãi tiền gửi từ việc chiếm dụng lợi nhuận phải nộp về công ty mẹ để gửi ngân hàng lấy lãi: Kiểm toán Nhà nước thống nhất giảm kiến nghị nộp về Công ty mẹ số tiền là 12.652.068.169 Đồng tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần Vốn Nhà nước, đồng thời bổ sung kiến nghị giao cho công ty mẹ căn cứ các quy định pháp luật có liên quan để xác định chính xác số tiền lãi phải nộp về cho công ty mẹ. Tại ngày báo cáo tài chính, công ty mẹ vẫn chưa xác định số tiền lãi, nhưng vì mục đích thận trọng, Công ty vẫn ghi nhận số tiền phải trả trên cho Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV.
- Ngày 9 tháng 11 năm 2021, trong Công văn Số 1090/CCTQ11-TBTK của Chi cục Thuế Quận 11 gửi cho Cục Thuế TP. HCM, Chi cục Thuế đã thực hiện chỉ đạo của Cục Thuế TP. HCM: cản trừ số tiền chậm nộp 8.142.251.112 Đồng vào tiền thuê đất phải nộp năm 2021 theo Thông báo Số 791/TB-CCTQ11 do Chi cục Thuế Quận 11 ban hành ngày 26 tháng 4 năm 2021. Công ty theo đó đã hạch toán cản trừ khoản tiền này.
- Công ty đã gửi Công văn Số 150/CV-2021 ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Công văn Số 017/CV-2022 ngày 22 tháng 2 năm 2022 cho Cục Thuế TP. HCM và Chi cục Thuế Quận 11 để phản ánh việc Chi cục Thuế Quận 11 ban hành các Thông báo nộp tiền Số 1729/TB-CCTQ11 ngày 3 tháng 11 năm 2021, Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp Số 14195/TB-07-CCT ngày 26 tháng 1 năm 2021 là không thực hiện theo chỉ đạo của UBND TP. HCM thông báo cho Cục Thuế TP. HCM về việc khoan nợ tiền thuê đất truy thu tại Thông báo Số 342/TB-VP ngày 4 tháng 5 năm 2021 và Văn bản Số 9212/VP-KT ngày 1 tháng 12 năm 2021 (nội dung này được Cục Thuế TP. HCM thông báo lại Chi cục Thuế Quận 11 ở Công văn Số 6208/CTTPHCM – KTTĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021). Do đó, tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty không hạch toán tiền thuê đất truy thu và tiền phạt chậm nộp.

30 TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

Ngày 12 tháng 10 năm 1996, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ký Hợp đồng Hợp tác Liên doanh Số 22/HĐ-96 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (“Công ty Chí Đạt”) để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty Chí Đạt có ký hai hợp đồng thuê tài chính số K97006 và K98002 ngày 16 tháng 2 năm 1998 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam, tên cũ là Công ty Cho thuê Tài chính Kexim Việt Nam (“Công ty Kexim”). Trong năm 1999, Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim xảy ra tranh chấp liên quan đến hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim đã đưa vấn đề tranh chấp này ra tòa án và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên.

30 TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

Theo Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25 tháng 6 năm 2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao TP. HCM đã đưa ra các phán quyết sau:

- Công ty Kexim phải chịu trách nhiệm 50% tổng giá trị thiệt hại (số tiền là 2.022.082,725 đô la Mỹ); Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với 50% tổng giá trị thiệt hại còn lại. Tỷ lệ chịu trách nhiệm của Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ sẽ căn cứ vào tỷ lệ thỏa thuận góp vốn ban đầu trong Hợp đồng Liên doanh Số 22/HĐ-96 ngày 12 tháng 10 năm 1996 (Công ty Chí Đạt: 70%, tương ứng với 707.728,952 đô la Mỹ và Công ty Phú Thọ: 30%, tương ứng với 303.312,408 đô la Mỹ);
- Số tiền 127.772.000 Đồng đã thanh toán được chia theo tỷ lệ 70/30 để trừ vào số tiền phải trả của Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ;
- Công ty Phú Thọ được tự xử lý dây chuyền thiết bị hệ thống Bowling và các thiết bị kèm theo, theo danh mục tài sản kê biên kèm theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 308/BPTT-KT ngày 30/12/1999 của Tòa án Nhân dân TP. HCM để giải phóng mặt bằng.

Trong năm 2020, Công ty đã chuyển trả tiền bồi thường cho Công ty Kexim 7.029.265.055 Đồng (tương ứng 303.312,408 đô la Mỹ) theo Quyết định Số 3440/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Tuy nhiên, theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước, các khoản phải thu, phải trả liên quan có thể ảnh hưởng đến số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang hạch toán và theo dõi các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán, gồm Phải thu liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt 18.243.452.999 Đồng (Thuyết minh 6(b)), Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí khấu hao trung tâm thương mại Bowling Đàm Sen 6.995.003.594 Đồng (Thuyết minh 8(b)) và Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Chí Đạt 29.118.387.913 Đồng (Thuyết minh 14(a)).

31 QUYẾT TOÁN CỔ PHẦN HÓA

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, UBND TP. HCM phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 đồng tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định Số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17 tháng 5 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính này, UBND TP. HCM chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.

32 SỰ KIẾN KHÁC

Sự tái bùng phát và lan rộng trở lại của đại dịch Covid-19 trong năm 2021 là một tình huống đầy khó khăn và thách thức cho tất cả các ngành nghề kinh doanh. Công ty đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như đánh giá khả năng thu hồi tài sản, đánh giá cách ghi nhận tài sản và nợ phải trả. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của Covid-19 đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục ước tính ảnh hưởng của vấn đề này đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tiếp theo của Công ty, sẽ tiếp tục theo dõi và đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của vấn đề này.

33 PHÁT HÀNH LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Tuy nhiên, ngày 14 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã yêu cầu Công ty điều chỉnh việc phân bổ lợi thế kinh doanh còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên cơ sở đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày Nghị định Số 140/2020/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành. Trước đây, Công ty tiếp tục phân bổ lợi thế kinh doanh trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa theo Thông tư Số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014 từ ngày phát sinh lợi thế kinh doanh và Công văn Số 13956/CT-TTHT ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Cục thuế TP. HCM ban hành về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Số tiền lợi thế kinh doanh cần phân bổ thêm vào báo cáo tài chính này là 9.587.440.688 đồng. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng yêu cầu Công ty ghi nhận thêm tiền thù lao của thành viên Ban Kiểm soát với số tiền là 86.400.000 đồng vào báo cáo tài chính này.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều chỉnh lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và phát hành lại vào ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Ảnh hưởng của sự thay đổi này lên báo cáo tài chính được trình bày như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31.12.2021		
		Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số đã điều chỉnh VND
200	Tài sản dài hạn	509.355.235.016	(9.587.440.688)	499.767.794.328
260	Tài sản dài hạn khác	52.968.132.986	(9.587.440.688)	43.380.692.298
261	Chi phí trả trước dài hạn	52.968.132.986	(9.587.440.688)	43.380.692.298
270	Tổng tài sản	<u>1.045.672.428.742</u>	<u>(9.587.440.688)</u>	<u>1.036.084.988.054</u>
300	Nợ phải trả	51.416.945.542	86.400.000	51.503.345.542
310	Nợ ngắn hạn	48.912.945.542	86.400.000	48.999.345.542
319	Phải trả ngắn hạn khác	31.253.578.000	86.400.000	31.339.978.000
400	Vốn chủ sở hữu	994.255.483.200	(9.673.840.688)	984.581.642.512
410	Vốn chủ sở hữu	994.255.483.200	(9.673.840.688)	984.581.642.512
421	Lỗi sau thuế lũy kế	(262.271.441.080)	(9.673.840.688)	(271.945.281.768)
421b	Lỗi sau thuế của năm nay	(80.964.810.400)	(9.673.840.688)	(90.638.651.088)
440	Tổng nguồn vốn	<u>1.045.672.428.742</u>	<u>(9.587.440.688)</u>	<u>1.036.084.988.054</u>

33 PHÁT HÀNH LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (tiếp theo)

Ảnh hưởng của sự thay đổi này lên báo cáo tài chính được trình bày như sau: (tiếp theo)

(b) Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
		Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số đã điều chỉnh VND
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(15.854.553.173)	(9.673.840.688)	(25.528.393.861)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(81.019.198.325)	(9.673.840.688)	(90.693.039.013)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(80.964.810.400)	(9.673.840.688)	(90.638.651.088)
60	Lỗ sau thuế TNDN	(80.964.810.400)	(9.673.840.688)	(90.638.651.088)
70	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(682)	(82)	(764)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
		Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số đã điều chỉnh VND
01	Lỗ kế toán trước thuế	(80.964.810.400)	(9.673.840.688)	(90.638.651.088)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(90.868.896.236)	(9.673.840.688)	(100.542.736.924)
11	Giảm các khoản phải trả	(2.533.901.649)	86.400.000	(2.447.501.649)
12	Giảm chi phí trả trước	13.509.752.371	9.587.440.688	23.097.193.059

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám Đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 6 năm 2022.


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

